

Số: 37/2025/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi,
Hội khỏe phù đổng, Hội thao giáo dục quốc phòng và an ninh trong
lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số
điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn
quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục
phổ thông;*

*Xét Tờ trình số 182/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc
thi, hội thi, Hội khỏe phù đổng, Hội thao giáo dục quốc phòng và an ninh trong
lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số
630/BC-BVHXXH ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng
nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi tổ chức
các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, Hội khỏe phù đổng, Hội thao giáo dục quốc phòng và
an ninh trong lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, Hội khỏe phù đổng, Hội thao giáo dục quốc phòng và an ninh (gọi chung là các kỳ thi, cuộc thi) trong lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 13 Điều 8 và khoản 4 Điều 9 Thông tư số 69/2021/TT-BTC hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo; các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi.



Điều 2. Nội dung, mức chi

1. Nội dung, mức chi công tác tổ chức các kỳ thi, gồm: Thi tốt nghiệp trung học phổ thông; thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; thi tuyển sinh vào lớp đầu cấp phổ thông; thi tuyển sinh vào trường trung học phổ thông chuyên; thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh; thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia và cấp khu vực. Theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Nội dung, mức chi công tác tổ chức kỳ thi, hội thi, gồm: Thi thử/khảo sát/kiểm tra chất lượng đối với học sinh lớp 12; thi chọn học sinh giỏi cấp xã, liên cấp xã; Hội thi giáo viên dạy giỏi, chủ nhiệm lớp giỏi các cấp; Hội thi giáo viên làm tổng phụ trách Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh giỏi; công tác ra đề thi học kỳ tập trung ở các lớp cuối cấp. Theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Nội dung, mức chi cho công tác tổ chức Hội khỏe phù đồng cấp tỉnh, cấp xã, liên cấp xã, cấp trường; tham dự Hội khỏe phù đồng cấp khu vực, cấp toàn quốc. Theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Nội dung, mức chi cho công tác tổ chức cuộc thi, gồm: Cuộc thi khoa học kỹ thuật học sinh phổ thông; Cuộc thi thí nghiệm - thực hành dành cho học sinh phổ thông cấp tỉnh, cấp xã, liên cấp xã, cấp trường; tham dự cấp khu vực, cấp toàn quốc. Theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết này.

5. Nội dung, mức chi cho công tác tổ chức Hội thao giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh phổ thông cấp tỉnh, cấp trường có bậc học trung học phổ thông; tham dự cấp khu vực, cấp toàn quốc. Theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị quyết này.

6. Nội dung, mức chi cho công tác bồi dưỡng, tập huấn đội tuyển dự thi học sinh giỏi các cấp. Theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị quyết này.

7. Các mức chi tại Điều này là mức tối đa được áp dụng cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi. Trường hợp một người kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một kỳ thi, cuộc thi, hội thi thì được hưởng mức chi cao nhất.

8. Các nội dung, mức chi không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành và các khoản thu hợp pháp khác.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.



3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết:

a) Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

b) Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước sửa đổi, bổ sung một số điều quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Nghị quyết này bãi bỏ khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về áp dụng, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai và Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025. /

Nơi nhận: *Phu*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành của tỉnh;
- TAND, VKSND, THADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, ĐĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Đảng ủy, TTHĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai (đưa tin và đăng Cổng thông tin điện tử tỉnh);
- Công báo điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, PCTHĐND.

CHỦ TỊCH



Tôn Ngọc Hạnh



Phụ lục I
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI TỔ CHỨC CÁC KỲ THI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 2

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số *37* /2025/NQ-HĐND ngày *10* tháng *12* năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
I	Mức chi cho các chức danh			
1	Hội đồng/Ban ra đề thi/Ban in sao đề thi			
a	Chủ tịch hội đồng/Trưởng Ban	Người/ngày	640	
b	Phó Chủ tịch hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	580	
c	Ủy viên, thư ký, bảo vệ, y tế, công an, kỹ thuật viên cách ly vòng trong (24/24h)	Người/ngày	510	
d	Thư ký, công an, bảo vệ, y tế, nhân viên phục vụ vòng ngoài	Người/ngày	300	
2	Ban vận chuyển và bàn giao đề thi			
a	Trưởng ban	Người/ngày	640	
b	Thành viên, công an	Người/ngày	300	
3	Ban Chỉ đạo thi (áp dụng cho Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, Kỳ thi tuyển sinh đầu cấp)			
a	Trưởng ban	Người/ngày	900	
b	Phó Trưởng ban	Người/ngày	810	
c	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	600	
d	Nhân viên phục vụ	Người/ngày	270	
4	Hội đồng thi/Ban tổ chức			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	675	
b	Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	640	
c	Ủy viên/Thành viên	Người/ngày	570	
5	Ban Thư ký			
a	Trưởng ban	Người/ngày	610	
b	Phó Trưởng ban	Người/ngày	570	
c	Ủy viên	Người/ngày	510	
d	Công an, bảo vệ, y tế, nhân viên phục vụ khác	Người/ngày	250	
6	Hội đồng/Ban Coi thi			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	675	
b	Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	640	
c	Trưởng điểm	Người/ngày	570	
d	Phó Trưởng điểm	Người/ngày	510	
đ	Ủy viên, thư ký, giám thị/cán bộ coi thi, cán bộ giám sát, kỹ thuật viên	Người/ngày	450	
e	Trật tự viên, y tế, công an, bảo vệ, phục vụ	Người/ngày	250	
7	Ban/Tổ Làm phách			
a	Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	675	
b	Phó Trưởng ban/Tổ phó	Người/ngày	570	



c	Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ làm việc cách ly vòng trong (24/24h)	Người/ngày	510	
d	Nhân viên phục vụ, công an, y tế, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	250	
8	Hội đồng/Ban chấm thi			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	675	
b	Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	570	
c	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên, thành viên	Người/ngày	450	
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ, y tế	Người/ngày	250	
II	Mức chi ra đề thi			
1	Xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
a	Chủ trì	Người/ngày	750	
b	Các thành viên	Người/ngày	550	
2	Ra đề đề xuất đối với đề tự luận, đề trắc nghiệm			
a	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp	Đề theo phân môn	400	
b	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, thi vào trường trung học phổ thông chuyên	Đề theo phân môn	500	
c	Thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Đề theo phân môn	600	
3	Ra đề chính thức và dự bị, in sao đề thi			
a	Thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Người/ngày	600	
b	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp	Người/ngày	600	
c	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, thi vào trường trung học phổ thông chuyên	Người/ngày	700	
d	Thi lập đội tuyển học sinh giỏi dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Người/ngày	750	
III	Mức chi xây dựng ngân hàng câu hỏi thi			
1	Xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
a	Chủ trì	Người/ngày	600	
b	Thành viên	Người/ngày	500	
2	Mức chi đối với câu hỏi			
a	Soạn thảo câu hỏi thô	Đồng/câu	35	
b	Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Đồng/câu	30	
c	Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Đồng/câu	25	
d	Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Đồng/câu	18	
đ	Rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Đồng/câu	5	
3	Thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm			
a	Chủ trì	Người/ngày	750	
b	Thành viên	Người/ngày	510	
IV	Mức chi chấm bài thi (chấm 02 vòng)			
1	Thi tốt nghiệp trung học phổ thông (chấm tối thiểu 38 bài/ngày)	Người/ngày/ vòng	675	



2	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh; thi chọn đội tuyển dự thi cấp quốc gia (chấm tối thiểu 20 bài/ngày)	Người/ngày/ vòng	825	
3	Thi tuyển sinh vào trường trung học phổ thông chuyên (chấm tối thiểu 20 bài/ngày)	Người/ngày/ vòng	825	
4	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông (chấm tối thiểu 40 bài/ngày)	Người/ngày/ vòng	600	
V	Mức chi cho tổ trưởng, tổ phó tổ chấm thi: Thi tốt nghiệp trung học phổ thông; thi chọn học sinh giỏi tỉnh; thi tuyển sinh đầu cấp phổ thông; thi vào trường chuyên; thi lập đội tuyển học sinh giỏi dự thi cấp quốc gia (ngoài tiền chấm thi)	Người/đợt	300	
VI	Mức chi chi cho công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi (áp dụng cho thanh tra kiêm nhiệm và người tham gia đoàn kiểm tra; trường hợp thanh tra là thanh tra viên trở lên chỉ áp dụng kỳ thi làm việc vào thứ 7, chủ nhật)			
1	Trưởng đoàn	Người/ngày	675	
2	Phó trưởng đoàn	Người/ngày	570	
3	Thành viên	Người/ngày	450	
4	Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	510	
VII	Chi khác			
1	Hội đồng coi thi, điểm thi			
a	Chi cho cán bộ, giáo viên trực đề thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi tuyển sinh đầu cấp	Người/ngày/đêm	300	
b	Chi lập hồ sơ đăng ký dự thi tuyển sinh đầu cấp, dự thi vào trường trung học phổ thông chuyên	Hồ sơ	4	
c	Lập và kiểm tra hồ sơ thi	Phòng thi	30	
d	Thuê người quét dọn phòng thi của hội đồng thi, điểm thi	Ngày/phòng thi	20	
đ	Văn phòng phẩm phòng thi	Phòng thi	50	
e	Văn phòng phẩm chung cho hội đồng thi, điểm thi	Hội đồng/điểm thi	300	
g	Tiền nước uống cho các thành viên trong hội đồng thi, điểm thi	Người/ngày	10	
h	Giấy thi, giấy nháp (theo thực tế).	Bình quân mỗi thí sinh không quá 3 tờ giấy thi và 3 tờ giấy nháp cho 01 môn thi (chứng từ thanh toán đầy đủ theo quy định)		
i	Tiền thuốc phòng bệnh; băng rôn Hội đồng thi, điểm thi	Theo thực tế (chứng từ thanh toán đầy đủ theo quy định)		
k	Tiền vận chuyển bài thi về hội đồng chấm thi	Theo thực tế (chứng từ thanh toán đầy đủ theo quy định)		
l	Thuê máy phát điện dự phòng	Theo thực tế (chứng từ thanh toán đầy đủ theo quy định)		
2	Hội đồng chấm thi			
a	Khớp phách, vào điểm	Phòng thi	30	

b	Các biểu mẫu phục vụ chấm thi, thẻ đeo	Phòng thi	20	
c	Bút bi đỏ chấm bài thi	Người/đợt	10	
d	Băng rôn hội đồng	Theo thực tế (chứng từ thanh toán đầy đủ theo quy định). 01 cái/hội đồng		
đ	Thuê người quét dọn	Người/ngày/hội đồng	200	
e	Hỗ trợ tiền điện, nước cho các đơn vị sử dụng làm khu vực chấm thi	Theo thực tế (hợp đồng, phiếu thu của đơn vị cho mượn cơ sở vật chất)		
g	Tiền bốc vác, vận chuyển bài thi từ khu vực chấm thi về khu vực lưu trữ	Đợt	350	
3	Hội đồng/Ban in sao			
a	Chi thuê máy in sao, máy phát điện dự phòng	Theo thực tế (chứng từ thanh toán đầy đủ theo quy định).		
b	Mua giấy, mực, tang xin, bao bì đựng đề thi			
c	Văn phòng phẩm			
d	Hỗ trợ tiền điện, nước cho đơn vị sử dụng làm khu vực in sao	Theo thực tế (hợp đồng, phiếu thu của đơn vị cho mượn cơ sở vật chất)		





Phụ lục II

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI
KỶ THI, HỘI THI CÁC CẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 2 ĐIỀU 2

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số *37* /2025/NQ-HĐND ngày *10* tháng *12* năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp xã, liên cấp xã	
I	Mức chi cho các chức danh				
1	Hội đồng thi/Ban tổ chức				
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	540	470	
b	Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	510	440	
c	Ủy viên/Thành viên	Người/ngày	450	400	
2	Hội đồng/Ban ra đề thi, in sao đề thi				
a	Chủ tịch/Trưởng Ban	Người/ngày	510	440	
b	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	460	400	
c	Thư ký, Ủy viên, bảo vệ, y tế vòng trong (24/24h)	Người/ngày	400	350	
d	Thư ký, công an, bảo vệ, phục vụ vòng ngoài	Người/ngày	200	175	
3	Hội đồng chấm/Ban chấm thi/Ban giám khảo kỳ thi				
a	Chủ tịch hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	510	440	
b	Phó Chủ tịch hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	460	400	
c	Ủy viên, thư ký, thành viên	Người/ngày	400	350	
d	Phục vụ, công an, bảo vệ, y tế	Người/ngày	200	175	
II	Hội đồng chấm/Ban chấm thi/Ban giám khảo hội thi, cuộc thi				
1	Chấm sáng kiến				
a	Chủ tịch hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	510	440	
b	Phó Chủ tịch hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	460	400	
c	Ủy viên, thư ký, thành viên	Người/ngày	400	350	
d	Phục vụ, công an, bảo vệ, y tế	Người/ngày	200	175	
2	Chấm bài kiểm tra năng lực hiểu biết của Tổng phụ trách	Bài thi	150	100	
3	Chấm thực hành biện pháp, kỹ năng, năng khiếu				
a	Chấm thực hành tiết dạy của giáo viên, chủ nhiệm lớp giỏi, kỹ năng của Tổng phụ trách	Người/buổi	250	200	
b	Chấm trình bày biện pháp của giáo viên, chủ nhiệm lớp giỏi, kỹ năng của Tổng phụ trách	Người/buổi	250	200	



III	Chi hỗ trợ cho giáo viên tham gia dự thi				
1	Hỗ trợ giáo viên xây dựng các biện pháp, thực hiện trình bày các biện pháp; ứng xử kể chuyện; thực hành kỹ năng, năng khiếu	Bài thi/biện pháp	400	350	
2	Hỗ trợ giáo viên thực hành tiết dạy	Tiết dạy	400	350	
IV	Tiền công chi cho công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi (áp dụng cho thanh tra kiêm nhiệm và người tham gia đoàn kiểm tra; trường hợp thanh tra là thanh tra viên trở lên chỉ áp dụng kỳ thi, hội thi làm việc vào thứ 7, chủ nhật)				
1	Trưởng đoàn	Người/ngày	540	470	
2	Phó Trưởng đoàn	Người/ngày	450	400	
3	Thành viên	Người/ngày	360	310	
4	Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	400	350	
V	Chi khác				
1	Văn phòng phẩm, thẻ đeo, dây đeo	Theo thực tế, có đầy đủ chứng từ thanh toán theo quy định			
2	Nước uống cho các thành viên	Người/ngày	10	10	
3	Chi khai mạc, tổng kết hội thi (hội trường, vật tư, trang trí, tài liệu)	Theo quy định về chế độ công tác phí, chế độ hội nghị hiện hành			
4	Tiền mua phôi, in giấy khen, giấy chứng nhận	Theo thực tế, có đầy đủ chứng từ thanh toán theo quy định			
5	Hỗ trợ tiền điện, nước cho các đơn vị được giao đăng cai tổ chức	Theo thực tế, có đầy đủ chứng từ thanh toán theo quy định			





Phụ lục III
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI
TỔ CHỨC HỘI KHỎE PHÙ ĐỒNG CÁC CẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
VÀ THAM DỰ CẤP KHU VỰC, TOÀN QUỐC
QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 2

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **38**/2025/NQ-HĐND ngày **10** tháng **12** năm 2025 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Cấp khu vực, quốc gia	Cấp tỉnh	Cấp xã, liên cấp xã, cấp trường	
I	TỔ CHỨC TRONG TỈNH					
1	Chi bồi dưỡng tập luyện cho các đối tượng tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ (không tổ chức cấp trường)					
a	Mức chi bồi dưỡng người tham gia tập luyện	Người/buổi		30	20	Thời gian tập luyện cấp tỉnh tối đa 20 ngày; cấp xã, liên cấp xã tối đa 15 ngày
b	Mức chi bồi dưỡng giáo viên quản lý, hướng dẫn tập luyện	Người/buổi		60	50	
c	Mức chi bồi dưỡng người tham gia tổng duyệt (tối đa 2 buổi)	Người/buổi		40	30	
d	Mức chi bồi dưỡng người tham gia khai mạc chính thức	Người/buổi		70	60	
2	Ban Chỉ đạo/Ban tổ chức/Tiểu ban (không tổ chức cấp trường)					
a	Trưởng ban/Phó Trưởng ban	Người/ngày		80	70	
b	Ủy viên, thư ký, thành viên, tiểu ban	Người/ngày		60	50	
3	Chi bồi dưỡng làm nhiệm vụ (không tổ chức cấp trường)					
a	Giám sát, trọng tài chính	Người/buổi		60	50	Được tính theo ngày thực tế làm việc hoặc theo buổi thi đấu, trận thi đấu thực tế. Đối với các đối tượng mà tiền bồi dưỡng không tính theo ngày làm việc mà tính theo buổi thi đấu, hoặc trận đấu, thì mức thanh toán tiền bồi dưỡng được tính theo thực tế, nhưng tối đa không được vượt quá 03 buổi hoặc 03 trận đấu/người/ngày.
b	Thư ký, trọng tài các môn thi đấu	Người/buổi		50	45	
c	Công an, y tế, bảo vệ, trật tự nhân viên phục vụ	Người/buổi		45	40	
4	Cấp xã, liên cấp xã, các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tham dự Hội khỏe phù đồng cấp tỉnh; cấp trường tham dự Hội khỏe phù đồng các cấp					
a	Hỗ trợ tiền ăn cho vận động viên, huấn luyện viên, giáo viên hướng dẫn trong những ngày tập huấn, huấn luyện	Người/ngày		120	80	Tối đa 20 ngày



b	Tiền ăn cho vận động viên, huấn luyện viên trong những ngày tham dự thi đấu	Người/ngày		170	150	Theo số ngày thực tế; mức chi này là tối đa và theo quy chế chi tiêu của đơn vị
c	Tiền nước cho vận động viên, huấn luyện viên trong những ngày tham dự thi đấu	Người/ngày		30	30	
d	Thuê chỗ ở			Theo thực tế và theo chế độ công tác phí, theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị		
e	Thuê phương tiện đi lại			Theo thực tế, chứng từ thanh toán đầy đủ theo quy định		
g	Dụng cụ tập luyện, tham dự			Theo thực tế, thực hiện thuê, mua sắm theo quy định		
5	Mức chi tiền ở của lực lượng trọng tài, giám sát từ các địa phương khác về nơi tổ chức để làm nhiệm vụ			Theo chế độ công tác phí hiện hành		
II	THAM DỰ HỘI KHỎE PHÙ ĐỔNG CẤP KHU VỰC, CẤP TOÀN QUỐC					
1	Tiền ăn cho vận động viên, huấn luyện viên trong những ngày tập huấn, huấn luyện	Người/ngày	160	Thời gian tập luyện tối đa 30 ngày		
2	Tiền nước cho vận động viên, huấn luyện viên trong những ngày tập huấn, huấn luyện	Người/ngày	30			
3	Tiền thuê nơi ở cho vận động viên, huấn luyện viên trong những ngày tập trung tập huấn, huấn luyện			Theo thời gian thực tế và bằng chế độ công tác phí hiện hành		
4	Tiền ăn, tiền nước, tiền ở cho vận động viên, huấn luyện viên trong những ngày thi đấu			Theo thời gian thực tế và bằng chế độ công tác phí hiện hành		
5	Dụng cụ tập luyện, thi đấu			Theo thực tế và thực hiện thuê, mua sắm đủ chứng từ thanh toán theo quy định		
6	Các nội dung có liên quan (tiền tàu, xe di chuyển; khám sức khỏe; thẻ thi đấu; thuốc phòng, chữa bệnh)			Theo thực tế và đảm bảo chứng từ thanh toán theo quy định		
III	CHI KHÁC					
1	Tiền mua phôi, in giấy khen, giấy chứng nhận			Theo thực tế, chứng từ thanh toán đầy đủ theo quy định		
2	Viết kịch bản, tổ chức Khai mạc, bế mạc; dụng cụ tập luyện, tham dự, tổ chức; vật tư, văn phòng phẩm, các nội dung nhu cầu phục vụ trong suốt thời gian tổ chức Hội khỏe phù đồng			Theo thực tế và thực hiện thuê, mua sắm theo quy định		



Phụ lục IV
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI
TỔ CHỨC, THAM DỰ CUỘC THI CÁC CẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
VÀ THAM DỰ CẤP KHU VỰC, CẤP TOÀN QUỐC
QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 4 ĐIỀU 2
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 37 /2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Cấp khu vực, quốc gia	Cấp tỉnh	Cấp xã, liên cấp xã, cấp trường	
I	TỔ CHỨC CÁC CẤP TRONG TỈNH					
1	Chi bồi dưỡng cho các đối tượng tham gia thực hiện đề tài/dự án/sản phẩm dự thi					
a	Mức chi cho người tham gia thực hiện	Người/ngày		60	40	Thời gian tham gia cấp tỉnh tối đa 20 ngày; cấp xã, liên cấp xã, cấp trường tối đa 10 ngày (theo quy chế chi tiêu của đơn vị)
b	Mức chi cho giáo viên quản lý, giáo viên hướng dẫn người thực hiện	Người/ngày		100	80	
c	Thuê chuyên gia phân tích, đánh giá khảo nghiệm kết quả đề tài/dự án/sản phẩm dự thi			900	700	
2	Ban tổ chức					
a	Trưởng ban	Người/ngày		540	470	
b	Phó Trưởng ban	Người/ngày		510	440	
c	Ủy viên/Thành viên, thư ký	Người/ngày		450	400	
3	Hội đồng chấm/Ban giám khảo/Ban thư ký/Ban thẩm định					
a	Chủ tịch hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày		510	440	
b	Phó Chủ tịch hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày		460	400	
c	Ủy viên, thư ký, thành viên	Người/ngày		400	350	
d	Phục vụ, bảo vệ, y tế	Người/ngày		200	175	
4	Tham dự thi cấp tỉnh (đối với cấp xã, liên cấp xã, các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo)					
a	Hỗ trợ cho người tham gia thi, người hướng dẫn trong những ngày tập huấn, thực hiện sản phẩm	Người/ngày		150	100	Tối đa 10 ngày và theo quy chế chi tiêu của đơn vị
b	Tiền ăn, tiền nước cho người tham gia thi, người hướng dẫn trong những ngày tham dự thi	Người/ngày		250	250	Theo số ngày thực tế và theo quy chế chi tiêu của đơn vị
c	Hỗ trợ tác giả mua sắm vật tư, dụng cụ thực hiện đề tài/dự án/sản phẩm	Đề tài/dự án/sản phẩm		1.000	800	

d	Thuê chỗ ở			Theo thực tế và theo chế độ công tác phí, theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị
e	Thuê phương tiện đi lại			Theo thực tế, chứng từ thanh toán đầy đủ theo quy định; theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị
II	THAM DỰ CẤP KHU VỰC VÀ CẤP TOÀN QUỐC			
1	Hỗ trợ cho người tham gia thi, người hướng dẫn trong những ngày tập huấn,	Người/ngày	200	Tối đa 15 ngày và theo quy chế chi tiêu của đơn vị
2	Tiền thuê nơi ở cho người tham gia thi, người hướng dẫn trong những ngày tập huấn			Theo số ngày thực tế và chế độ công tác phí hiện hành
3	Tiền ăn, tiền nước cho người tham gia thi, người hướng dẫn trong những ngày tham dự thi			Theo số ngày thực tế và chế độ công tác phí hiện hành
4	Tiền thuê nơi ở cho người tham gia thi, người hướng dẫn trong những ngày tham dự thi			Theo số ngày thực tế và chế độ công tác phí hiện hành
5	Hỗ trợ kinh phí mua vật tư thực hiện đề tài/dự án/sản phẩm	Đề tài/dự án/sản phẩm	2.000	
6	Thuê chuyên gia phân tích, đánh giá khảo nghiệm kết quả đề tài/dự án/sản phẩm dự thi (tối đa 80 tiết/đề tài/dự án/sản phẩm)	Tiết	200	
7	Các nội dung chi có liên quan (tiền tàu, xe đi chuyên; thẻ dự thi; thuốc phòng, chữa bệnh)			Theo thực tế, chứng từ thanh toán đầy đủ theo quy định
III	CHI KHÁC			
1	Tiền mua phôi, in giấy khen, giấy chứng nhận			Theo thực tế, chứng từ thanh toán đầy đủ theo quy định
2	Hỗ trợ tiền điện, nước cho các đơn vị được giao đăng cai tổ chức			Theo thực tế, chứng từ thanh toán đầy đủ theo quy định
3	Tổ chức khai mạc, bế mạc, văn phòng phẩm, các vật tư cần thiết phục vụ cho tổ chức cuộc thi, tham dự thi.			Theo thực tế, chứng từ thanh toán đầy đủ theo quy định



Phụ lục V
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI
TỔ CHỨC HỘI THAO GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CÁC CẤP TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH ĐỒNG NAI VÀ THAM DỰ CẤP KHU VỰC, CẤP TOÀN QUỐC
QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 5 ĐIỀU 2

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 37 /2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Cấp khu vực, quốc gia	Cấp tỉnh	Cấp trường có bậc trung học phổ thông	
I	TỔ CHỨC CÁC CẤP TRONG TỈNH					
1	Chi bồi dưỡng tập luyện cho các đối tượng tham gia dự thi					
a	Mức chi bồi dưỡng người tham gia tập luyện	Người/ngày		60	40	Thời gian tập luyện cấp tỉnh tối đa 20 ngày; cấp trường có bậc THPT tối đa 10 ngày và theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.
b	Mức chi bồi dưỡng giáo viên quản lý, hướng dẫn tập luyện	Người/ngày		100	80	
2	Ban Chỉ đạo/Ban tổ chức					
a	Trưởng ban	Người/ngày		540	400	
b	Phó Trưởng ban	Người/ngày		510	350	
c	Ủy viên/thành viên, thư ký	Người/ngày		450	300	
d	Nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/ngày		200	150	
3	Ban ra đề, in sao đề thi					
a	Trưởng Ban	Người/ngày		510	350	Thời gian không quá 07 ngày đối với cấp tỉnh và 05 ngày đối với cấp trường (tùy theo tình hình từng trường hợp cụ thể)
b	Phó Trưởng ban	Người/ngày		460	300	
c	Thư ký, bảo vệ, y tế, công an, kỹ thuật viên vòng trong (24/24h)	Người/ngày		400	250	
d	Thư ký, công an, bảo vệ, y tế, phục vụ vòng ngoài	Người/ngày		200	150	
4	Ban chấm thi/Ban giám khảo					
a	Trưởng Ban	Người/ngày		510	350	
b	Phó Trưởng ban	Người/ngày		460	300	
c	Thư ký, bảo vệ, y tế, công an, kỹ thuật viên vòng trong (24/24h)	Người/ngày		400	250	
d	Thư ký, công an, bảo vệ, y tế, phục vụ vòng ngoài	Người/ngày		200	150	
5	Kiểm tra, giám sát					
a	Trưởng đoàn	Người/ngày		510	350	



b	Phó Trưởng đoàn	Người/ngày		460	300	
c	Thư ký, thành viên	Người/ngày		400	250	
6	Tham dự Hội thao cấp tỉnh đối với các trường có bậc trung học phổ thông					
a	Hỗ trợ cho vận động viên trong những ngày tập huấn, huấn luyện	Người/ngày			80	Tối đa 15 ngày và theo quy chế chi tiêu của đơn vị
b	Hỗ trợ cho giáo viên, huấn luyện viên trong những ngày tập huấn, huấn luyện	Người/ngày			100	
c	Tiền ăn, tiền nước cho vận động viên, huấn luyện viên trong những ngày tham dự thi đấu			Theo thực tế; theo chế độ công tác phí hiện hành và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị		
d	Thuê chỗ ở					
e	Thuê phương tiện đi lại			Theo thực tế; hóa đơn chứng từ đủ theo quy định		
7	Tiền ở của ban giám khảo, giám sát từ các địa phương khác về nơi tổ chức để làm nhiệm vụ			Theo chế độ công tác phí hiện hành		
II	DỰ HỘI THAO CẤP KHU VỰC VÀ CẤP TOÀN QUỐC					
1	Chi cho người dự thi, huấn luyện viên trong những ngày tập huấn, huấn luyện	Người/ngày	150	Tối đa 15 ngày và theo tình hình thực tế		
2	Tiền thuê nơi ở cho người dự thi, huấn luyện viên trong những ngày tập trung tập huấn, huấn luyện			Theo thực tế và theo chế độ công tác phí		
3	Tiền ăn, tiền nước cho người dự thi, huấn luyện viên trong những ngày tham dự thi			Theo chế độ công tác phí hiện hành		
4	Tiền thuê nơi ở cho người dự thi, huấn luyện viên trong những ngày tham dự thi			Theo thực tế và theo chế độ công tác phí		
5	Các nội dung có liên quan: tiền tàu, xe di chuyển; khám sức khỏe; thẻ dự thi; thuốc phòng, chữa bệnh phục vụ cho tập luyện, tham dự thi.			Theo thực tế; hóa đơn chứng từ đầy đủ theo quy định.		
III	CHI KHÁC					
1	Tiền mua phôi, in giấy khen, giấy chứng nhận, khung khen			Theo thực tế; hóa đơn chứng từ đầy đủ theo quy định		
2	Dụng cụ tập luyện, tham dự; vật tư, văn phòng phẩm, các thiết bị cần thiết phục vụ trong suốt thời gian tổ chức, tham dự hội thao			Theo thực tế; thực hiện thuê, mua sắm theo quy định		
3	Các nội dung phục vụ tổ chức khai mạc, bế mạc (tổng duyệt và chính thức)			Theo thực tế; thực hiện thuê, mua sắm theo quy định		



Phụ lục VI

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI, HỖ TRỢ TIỀN ĂN, TIỀN Ở, TIỀN XE TẬP HUẤN ĐỘI TUYỂN THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CÁC CẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 6 ĐIỀU 2

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số *37* /2025/NQ-HĐND ngày *10* tháng *12* năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Đội tuyển cấp tỉnh dự thi cấp quốc gia, dự thi khu vực	Đội tuyển cấp xã, liên cấp xã, trường trung học phổ thông dự thi cấp tỉnh	Đội tuyển cấp trường dự thi cấp xã, liên cấp xã	
1	Ban quản lý, cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Người/ngày	300	200	100	- Thời gian tập huấn tối đa 60 ngày đối với đội tuyển dự thi cấp quốc gia, cấp khu vực; 30 ngày đối với đội tuyển cấp xã, liên cấp xã dự thi cấp tỉnh; 15 ngày đối với đội tuyển cấp trường dự thi các cấp và theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị; thời gian tính từ khi thành lập đội tuyển. - Đối với giáo viên tập huấn, 01 buổi tập huấn được tính bằng 04 tiết (bao gồm cả biên soạn và giảng dạy lý thuyết, thực hành).
2	Mức chi cho giáo viên tập huấn đội tuyển học sinh giỏi (đối với giáo viên trong tỉnh)	Người/tiết	190	150	100	
3	Mức chi cho trợ lý thí nghiệm, thực hành	Người/tiết	100	75	50	
4	Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền nước uống cho học sinh trong quá trình đội tuyển tập huấn dự thi học sinh giỏi các cấp	Ngày/học sinh	300	150	100	Thời gian theo thực tế
5	Chi tiền ăn, tiền ở, nước uống, tiền xe đi lại cho giáo viên tổ chức các cuộc họp Ban tập huấn và tham gia tập huấn đội tuyển				Thực hiện theo Nghị quyết quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo hiện hành và theo quy chế chi tiêu của đơn vị	
6	Chi tiền ăn, tiền ở, nước uống, tiền xe đi lại cho đội tuyển học sinh dự thi học sinh giỏi các cấp				Thực hiện bằng mức Nghị quyết quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo hiện hành và theo quy chế chi tiêu của đơn vị	
7	Chi mua vật tư, vật liệu hóa chất, tiền xe di chuyển cho học sinh trong quá trình tập huấn, văn phòng phẩm phục vụ liên quan đến tập huấn, tham dự kỳ thi học sinh giỏi các cấp.				Theo thực tế, chứng từ thanh toán đầy đủ theo quy định hiện hành	